

Số: /KH-SNN

Lạng Sơn, ngày tháng 3 năm 2023

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chiến lược quốc gia cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

Thực hiện Kế hoạch số 51/KH-UBND ngày 02/3/2023 của UBND tỉnh Lạng Sơn về thực hiện Chiến lược quốc gia cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn với những nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ tại Kế hoạch số 51/KH-UBND ngày 02/3/2023 của UBND tỉnh về thực hiện Chiến lược quốc gia cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 thuộc trách nhiệm ngành để tổ chức triển khai thực hiện phù hợp điều kiện thực tiễn, phát huy hiệu quả, thúc đẩy công tác cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn trên địa bàn tỉnh.

Xác định rõ các giải pháp, nhiệm vụ trọng tâm triển khai thực hiện, phân công nhiệm vụ cụ thể rõ ràng cho các phòng, ban, đơn vị để thực hiện, đảm bảo hoàn thành mục tiêu cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn theo yêu cầu.

2. Yêu cầu.

Các phòng ban, đơn vị trực thuộc chủ động, tích cực triển khai kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Phối hợp chặt chẽ, thường xuyên, liên tục giữa các cơ quan, đơn vị trong triển khai thực hiện công tác cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn, đảm bảo hoạt động hiệu quả, bền vững, phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội cụ thể từng vùng, có sự đồng bộ với kết cấu hạ tầng của các ngành, lĩnh vực khác, đảm bảo an toàn, bền vững trước tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu.

Thường xuyên có kiểm tra, đôn đốc, giám sát, kịp thời tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện kế hoạch.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng thể

Đảm bảo người dân nông thôn được quyền tiếp cận sử dụng dịch vụ cấp nước sạch công bằng, thuận lợi, an toàn với chi phí hợp lý; đảm bảo vệ sinh hộ gia đình và khu vực công cộng, vệ sinh môi trường, phòng, chống dịch bệnh.

Bảo đảm sức khỏe, giảm các bệnh liên quan đến nước và vệ sinh, nâng cao chất lượng cuộc sống, đảm bảo an sinh xã hội cho người dân nông thôn, thu hẹp khoảng cách giữa nông thôn với thành thị, góp phần xây dựng nông thôn mới.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Đến năm 2030

- Có 80% hộ dân nông thôn được sử dụng nước sạch đạt chất lượng theo quy chuẩn với số lượng tối thiểu 60 lít/người/ngày;

- 64% hộ chăn nuôi, trang trại được xử lý chất thải chăn nuôi.

2.2. Đến năm 2045

Phấn đấu 100% hộ dân nông thôn được sử dụng nước sạch và vệ sinh an toàn, bền vững; 100% hộ chăn nuôi, trang trại được xử lý chất thải chăn nuôi.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách quy định liên quan đến cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn

Triển khai cụ thể hóa các cơ chế, chính sách liên quan đến cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn, nhất là huy động nguồn lực từ ngân sách và ngoài ngân sách, đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút các doanh nghiệp đầu tư cấp nước sạch và dịch vụ vệ sinh nông thôn, từng bước đáp ứng nhu cầu nước sinh hoạt đạt quy chuẩn, tiêu chuẩn cho người dân nông thôn và đảm bảo vệ sinh môi trường. Tăng cường công tác phối hợp với các ngành, địa phương trong công tác quy hoạch, đầu tư, quản lý vận hành công trình cấp nước sạch, vệ sinh nông thôn.

2. Thông tin - giáo dục - truyền thông

Tuyên truyền, phổ biến nội dung của Chiến lược, kế hoạch thực hiện đến các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động nước sạch và vệ sinh nông thôn, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn nước. Hàng năm tham mưu tổ chức phát động Tuần lễ quốc gia Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn và triển khai các hoạt động hưởng ứng.

Phối hợp với các ngành trong thực hiện hoạt động giáo dục, truyền thông thay đổi hành vi, thói quen; sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả; bảo vệ nguồn nước, công trình cấp nước; đảm bảo vệ sinh hộ gia đình, vệ sinh cá nhân.

3. Cấp nước sạch nông thôn

a. Cấp nước sạch tập trung

- Ưu tiên ngân sách nhà nước cho đầu tư các công trình nước sạch tập trung ở vùng khó khăn, suất đầu tư xây dựng lớn, đời sống Nhân dân khó khăn; đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư ở vùng có điều kiện, thực hiện linh hoạt, đa dạng hình thức kêu gọi xã hội hóa đầu tư toàn phần hoặc một phần cho phù hợp thực tiễn.

- Đầu tư xây dựng công trình cấp nước sạch tập trung gắn với khai thác, quản lý vận hành theo quy hoạch được duyệt, đảm bảo an ninh nguồn nước, thích ứng biến đổi khí hậu. Sửa chữa, nâng cấp công trình cấp nước sạch bảo đảm hoạt động hiệu quả, gắn với giám sát quản lý vận hành công trình.

- Đầu tư xây dựng công trình cấp nước sạch kết nối với hệ thống cấp nước sạch đô thị ở những nơi phù hợp để đảm bảo công trình hoạt động hiệu quả. Ưu tiên đầu tư xây dựng các công trình cấp nước sạch tập trung sử dụng nguồn nước thô từ hệ thống hồ chứa, đập dâng cho cấp nước sinh hoạt.

- Ưu tiên hỗ trợ các giải pháp cấp nước sạch cho các vùng bị ô nhiễm (xăng dầu, thuốc bảo vệ thực vật...), các vùng khan hiếm, khó khăn về nguồn nước, khu vực dễ bị tổn thương do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, thường xuyên bị ảnh hưởng của hạn hán, ô nhiễm nguồn nước.

- Ưu tiên sửa chữa, nâng cấp, mở rộng các công trình cấp nước hiện có để phát huy hiệu quả công trình; rà soát, đánh giá hiện trạng các công trình hiện có để có các phương án xử lý phù hợp đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung theo đúng quy định.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng và quá trình quản lý vận hành sau đầu tư.

b. Cấp nước quy mô hộ gia đình

- Thực hiện các giải pháp cấp nước quy mô hộ gia đình đối với những vùng gặp khó khăn trong đầu tư công trình cấp nước tập trung hoặc đầu tư công trình cấp nước tập trung không hiệu quả, vùng chưa có khả năng tiếp cận với cấp nước tập trung, nhất là các vùng khan hiếm, khó khăn về nguồn nước, vùng sâu, vùng xa, khu vực biên giới.

- Hỗ trợ kỹ thuật, hướng dẫn sử dụng vật liệu thu, xử lý, trữ nước an toàn hộ gia đình. Kiểm tra, giám sát và đánh giá chất lượng nước quy mô hộ gia đình.

c. Cấp nước an toàn và thích ứng với biến đổi khí hậu

- Tiếp tục thực hiện kế hoạch triển Chương trình quốc gia đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh đảm bảo ứng phó thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường công tác giám sát đánh giá thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn.

- Chia sẻ các thông tin liên quan tới nguồn nước giữa các ngành, địa phương phục vụ công tác cấp nước, quản lý, bảo vệ nguồn nước.

- Xây dựng kế hoạch chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu và khắc phục hậu quả thiếu nước sinh hoạt do ảnh hưởng thiên tai, hạn hán, lũ, ngập lụt, úng; đảm bảo duy trì tối thiểu nguồn cấp nước sinh hoạt trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh.

d. Nâng cao hiệu quả quản lý vận hành công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn, công trình thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt

- Hướng dẫn quản lý vận hành công trình cấp nước sạch, công trình thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt theo một số mô hình phù hợp với từng loại

theo tình hình thực tế tại các địa phương, hướng đến chuyên nghiệp hóa công tác quản lý vận hành, bảo trì, bảo dưỡng, bảo đảm công trình cấp nước sạch nông thôn hoạt động ổn định, an toàn, hiệu quả, bền vững và nâng cao chất lượng dịch vụ.

- Tổ chức rà soát các công trình hiện có không hoạt động và hoạt động kém hiệu quả để có các phương án xử lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung theo đúng quy định.

- Hỗ trợ kỹ thuật quản lý vận hành công trình sau đầu tư tại các vùng khan hiếm, khó khăn về nguồn nước, vùng sâu, vùng xa, biên giới,... Huy động sự tham gia của cộng đồng trong quản lý vận hành và bảo vệ công trình cấp nước theo phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân thụ hưởng” với sự hỗ trợ, hướng dẫn của đơn vị chuyên môn, kỹ thuật.

4. Xử lý chất thải chăn nuôi

- Hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật và khuyến khích áp dụng các giải pháp xử lý chất thải chăn nuôi thân thiện với môi trường, phù hợp với xu hướng phát triển.

- Quản lý chất thải chăn nuôi đảm bảo đúng yêu cầu quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, đảm bảo mùi, khí thải, nước thải, chất thải rắn phát sinh từ cơ sở chăn nuôi không làm ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng, không gây ô nhiễm môi trường. Hộ chăn nuôi, chủ trang trại chăn nuôi chịu trách nhiệm xử lý chất thải chăn nuôi đảm bảo đúng quy định.

5. Ứng dụng khoa học công nghệ

- Ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ thông minh trong giám sát nguồn nước, chất lượng nước, thực hiện số hóa, tự động hóa công tác quản lý vận hành và bảo vệ công trình.

- Tranh thủ sự hỗ trợ nguồn lực, khoa học, công nghệ, trang thiết bị của các quốc gia, tổ chức quốc tế trong cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn, nhất là các chương trình, dự án cấp nước, vệ sinh nông thôn ứng phó thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn.

6. Huy động nguồn lực

- Ưu tiên nguồn lực từ ngân sách nhà nước, vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài, nhất là nguồn vốn từ các Chương trình mục tiêu quốc gia: xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giảm nghèo và an sinh xã hội bền vững, lồng ghép nguồn vốn các chương trình, dự án khác để đầu tư công trình cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn.

- Thu hút nguồn lực của các thành phần kinh tế xã hội, huy động sự tham gia, đóng góp của người dân trong đầu tư xây dựng, quản lý vận hành công trình cấp nước, vệ sinh môi trường nông thôn và hỗ trợ hoạt động cấp nước quy mô hộ gia đình.

7. Phát triển nguồn nhân lực

- Rà soát, đánh giá nguồn nhân lực, xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ quản lý cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức hoạt động trong lĩnh vực nước sạch và vệ sinh nông thôn.

- Tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng cho lực lượng quản lý và vận hành công trình; ưu tiên đội ngũ quản lý, vận hành mô hình công trình cộng đồng quản lý. Tăng cường năng lực cho lực lượng quản lý ở cơ sở trong công tác lập kế hoạch, quản lý, giám sát, đánh giá hoạt động cấp nước và vệ sinh.

8. Giám sát đánh giá

- Tăng cường giám sát chất lượng nước đảm bảo quy chuẩn chất lượng; thường xuyên cập nhật và thực hiện Bộ chỉ số theo dõi - đánh giá về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; xây dựng cơ chế quản lý, khai thác, chia sẻ cơ sở dữ liệu về cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đảm bảo tin cậy, hiệu quả.

- Huy động sự tham gia, giám sát của cộng đồng và người dân trong hoạt động cấp nước và vệ sinh, đặc biệt là công tác bảo vệ nguồn nước, bảo vệ môi trường.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Từ nguồn ngân sách nhà nước cấp theo phân cấp quản lý hiện hành, nguồn xã hội hóa và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn

- Tổ chức theo dõi, đôn đốc, kiểm tra giám sát các địa phương, đơn vị thực hiện Kế hoạch đảm bảo các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Kế hoạch đề ra theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao và trách nhiệm của địa phương; định kỳ tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch theo quy định; Tham mưu Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn trình UBND tỉnh xem xét điều chỉnh bổ sung Kế hoạch những vấn đề phát sinh trong điều kiện cần thiết.

- Tham mưu ưu tiên đầu tư xây dựng công trình cấp nước tập trung sử dụng nguồn nước các công trình thủy lợi, hồ chứa, đập dâng để có nguồn nước ổn định cả về số lượng và chất lượng, đồng thời gắn với khai thác vận hành, đảm bảo an ninh nguồn nước, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Chủ trì tham mưu, đề xuất triển khai xây dựng mới, sửa chữa, nâng cấp các công trình cấp nước nông thôn tập trung và vệ sinh môi trường nông thôn.

- Rà soát các công trình hiện có không hoạt động và hoạt động kém hiệu quả để có các phương án xử lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung theo đúng quy định.

- Rà soát, tham mưu cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình UBND tỉnh ban hành các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền nhằm tăng cường công tác quản lý, vận hành công trình cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn toàn tỉnh; chủ trì, tham mưu cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn triển khai quản lý, sử dụng tài sản

kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn theo quy định hiện hành; tổ chức triển khai giao tài sản kết cấu hạ tầng nước sạch nông thôn theo chức năng nhiệm vụ tại các văn bản quy định hiện hành. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát và tổng hợp tình hình triển khai thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn nông thôn.

- Phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng tổ chức tập huấn, hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về vệ sinh môi trường nông thôn và quản lý, sử dụng, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn.

- Cập nhật Bộ chỉ số theo dõi - đánh giá nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này; phối hợp các đơn vị liên quan triển khai các hoạt động truyền thông, thanh tra, kiểm tra về nước sạch và vệ sinh nông thôn trên địa bàn tỉnh.

Sở Nông nghiệp và PTNT yêu cầu các đơn vị trực thuộc triển khai, thực hiện tốt các nội dung trên, trong quá trình thực hiện có phát sinh khó khăn, vướng mắc, các đơn vị kịp thời báo cáo Sở Nông nghiệp và PTNT để xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Lãnh đạo Sở;
- UBND các huyện, thành phố;
- Phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện, Phòng Kinh tế thành phố;
- Các phòng, ban, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Phúc Đạt